TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2019/KDTM-PT
Ngày: 10-5-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Tâm.

Ông Trần Minh Bắc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Việt Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Nguyễn Thành Lê – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ*".

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 22/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2019/QĐXXPT-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐPT-KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần D; địa chỉ: Khu Công nghiệp X, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn N – Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Kha Anh L, sinh năm 1992; địa chỉ: Đường P, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu "*Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 27 tháng 10 năm 2017*" (có mặt).

- Ông Vũ Văn Đ1, sinh năm 1968; địa chỉ: Đường P, phường B, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu "*Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 04 tháng 4 năm 2019*" (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Hải Đ2 và ông Vũ Anh T1 – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư họ V, Đoàn Luật sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (ông Đ2 có mặt; ông T1 vắng mặt).

2. Bị đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần G; Địa chỉ: Đường Đ, quận K, Thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh T2 – Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần G - Chi nhánh Vũng Tàu và bà Phan Thu H1 - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP G - Chi nhánh Vũng Tàu "*Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 328/UQ-TGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017*" (Ông T2 vắng mặt, bà H1 có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đinh Thị Thu H2 – Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần G - Chi nhánh Vũng Tàu (có mặt).

3.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn H; địa chỉ: Đường A, phường B, thành phố T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Bích H3 – Giám đốc (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn là Công ty Cổ phần D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Kha Anh L là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần D trình bày:

Ngày 23/10/2015, Công ty TNHH H (Công ty H) cùng Công ty Cổ phần D (Công ty D) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần G - Chi nhánh Vũng Tàu (Ngân hàng G) cùng thỏa thuận chuyển tiền tự động dưới hình thức "Giấy đề nghị chuyển tiền tự động" có chữ ký, đóng dấu của 3 bên với nội dung: Khi Liên doanh V chuyển tiền thanh toán cho Hợp đồng số 0007/15/T-D3/VSP1-HAI HA và tài khoản của Công ty TNHH H báo có thì đề nghị Ngân hàng TMCP G – Chi nhánh Vũng Tàu phong tỏa và tiến hành chuyển khoản tự động cho Công ty Cổ phần D số tiền cụ thể là 1.445.810.650 đồng.

Ngày 02/12/2015, Liên doanh V đã thực hiện việc chuyển tiền thanh toán cho hợp đồng đúng như thỏa thuận tại Giấy đề nghị chuyển tiền tự động vào tài khoản của Công ty H. Công ty D đã gửi Công văn số 249/DKE-2015 ngày 02/12/2015 đề nghị Ngân hàng G Vũng Tàu chuyển tiền tự động nhưng Ngân hàng G Vũng Tàu không thực hiện việc chuyển tiền cho Công ty D như cam kết.

Ngày 07/12/2015, Ngân hàng G chuyển cho Công ty D 500.000.000 đồng; ngày 05/05/2016 Ngân hàng G chuyển cho Công ty D 245.810.650 đồng. Số tiền 700.000.000 đồng còn lại thì Ngân hàng G không chuyển cho Công ty D với lý do phải thực hiện việc khấu trừ nợ của Công ty H.

Hợp đồng số 0007/15/T-D3/VSP1-HAIHA và Hợp đồng số 07/15/T-D3/VSP1- HAIHA trong lệnh chuyển tiền của Liên doanh V chuyển vào tài khoản của Công ty H tại Ngân hàng G là một. Số tiền trong Giấy đề nghị chuyển tiền tự động là 4.016.200.852 đồng nhưng không ghi là phải chuyển 1 đợt nên việc Ngân hàng G cho rằng số tiền Liên doanh V chuyển vào tài khoản của Công ty H là 3.724.113.517 đồng là không khớp số tiền ghi trong "Giấy đề nghị chuyển tiền tự

động" nên từ chối thanh toán là không có căn cứ. Trong Giấy đề nghị chuyển tiền ghi rõ giá trị trả nợ cho Công ty D là 1.445.810.650 đồng nên chỉ cần có đủ số tiền để chuyển cho Công ty D thì Ngân hàng G phải có nghĩa vụ chuyển trả cho DK theo cam kết.

Tại thời điểm ký Giấy đề nghị chuyển tiền tự động, Công ty D đã được bà Đinh Thị Thu H2 thông báo về việc Công ty H đang vay nợ tại Ngân hàng G. Chính vì vậy trong "Giấy đề nghị chuyển tiền tự động" Công ty D mới yêu cầu Công ty H cam kết không sử dụng số tiền báo có vào tài khoản của Công ty H cho mục đích khác; đồng thời không rút tiền mặt với bất kỳ lý do nào từ phần thanh toán của Liên doanh V đối với Hợp đồng nêu trên cho tới khi Ngân hàng chuyển tiền cho Công ty D thành công.

Theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng giữa Công ty H và Ngân hàng G thì thời hạn vay tiền của Công ty H là từ ngày 31/12/2014 đến ngày 31/12/2015 nên chỉ khi nào nợ đến hạn thì Ngân hàng G mới được chủ động thu hồi nợ. Ngày 01/12/2015, tiền được chuyển vào tài khoản của Công ty H tại Ngân hàng G. Theo thỏa thuận thì chậm nhất là hết ngày 03/12/2015, Ngân hàng G phải chuyển khoản toàn bộ số tiền 1.445.810.650 đồng cho Công ty D nên việc SHB cho rằng khoản nợ của Công ty H đã đến hạn nên phải được ưu tiên thanh toán trước là không có căn cứ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty D.

Căn cứ Điều 518, Điều 524 của Bộ luật Dân sự 2005 và khoản 14 Điều 4 Luật Tổ chức tín dụng và theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư 46 ngày 31/12/2014 thì Công ty H và Công ty D là bên sử dụng dịch vụ, Ngân hàng G là bên cung ứng dịch vụ. Giấy đề nghị chuyển tiền tự động được xem là thỏa thuận trực tiếp của 3 bên. Tại mục "Phương thức thanh toán phí" đã xác định "được trừ trực tiếp vào số tiền của Công ty Cổ phần D". Từ thỏa thuận này đủ cơ sở để xác định Công ty D là khách hàng của Ngân hàng G nên khi có sự sai lệch về số liệu thì Ngân hàng G phải có nghĩa vụ thông báo cho Công ty D cùng tháo gỡ nhưng Ngân hàng G không hề thông báo cho Công ty D. Công ty D khẳng định việc Ngân hàng G tự động khấu trừ nợ đối với số tiền mà Liên doanh V chuyển vào tài khoản của Công ty H là đã vi phạm thỏa thuận nên phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ số tiền 700.000.000 đồng nợ gốc và 262.500.000 đồng tiền lãi phát sinh từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán (ngày 05/5/2016) đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 15%/năm (lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường).

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm Ngân hàng Thương mại Cổ phần G là bị đơn trình bày:

Giấy đề nghị chuyển tiền tự động mà Công ty H lập ngày 23/10/2015 là hình thức Công ty H đơn phương ủy quyền cho Ngân hàng G Vũng Tàu thực hiện việc trích, chuyển tiền từ tài khoản của Công ty H mở tại Ngân hàng G. Tuy nhiên, do trong "Giấy đề nghị chuyển tiền tự động" ghi thanh toán theo Hợp đồng số 0007/15/T-D3/VSP1-HAIHA với số tiền 4.016.200.852 đồng nhưng thông tin mà Liên doanh V chuyển khoản thanh toán cho Công ty H lại là thanh toán cho Hợp đồng số 07/15/T-D3/VSP1-HAIHA với số tiền 3.724.113.517 đồng. Do số hợp đồng, số tiền của Liên doanh V chuyển cho Ngân hàng G thông qua Ngân hàng T không khớp. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư 23/2014/TT-

NHNN ngày 19/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước thì Ngân hàng G từ chối thanh toán vì lệnh thanh toán này không hợp lệ, không phù hợp với các thỏa thuận giữa chủ tài khoản và tổ chức cung ứng thanh toán. Trong giao dịch này chỉ có Công ty H là khách hàng của Ngân hàng G còn Công ty D không phải là khách hàng của Ngân hàng G nên khi có sự sai lệch về số liệu thì Ngân hàng G chỉ có nghĩa vụ thông báo cho khách hàng của mình, không có nghĩa vụ thông báo cho Công ty D.

Ngày 07/12/2015, Ngân hàng G chuyển cho Công ty D 500.000.000 đồng; ngày 05/05/2016 Ngân hàng G chuyển cho Công ty D 245.810.650 đồng theo các Ủy nhiệm chi của Công ty H.

Số tiền mà Liên doanh V chuyển vào tài khoản của Công ty H đã được Ngân hàng G cấn trừ vào khoản nợ của Công ty H tại Ngân hàng G. Cụ thể: Căn cứ hợp đồng hạn mức tín dụng số 225/2014/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 31/12/2014 thì Công ty H vay Ngân hàng G với hạn mức tín dụng 5 tỷ đồng, thời hạn từ ngày 31/12/2014 đến ngày 31/12/2015. Ngày 03/7/2015, Công ty H nhận nợ 5 tỷ đồng, ngày đến hạn là 03/12/2015. Tuy nhiên từ tháng 8/2015 việc trả nợ lãi của Hải Hà đã không đầy đủ. Đến tháng 11/2015, Công ty H không trả lãi cho Ngân hàng G. Theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 13 của Hợp đồng này thì từ thời điểm Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng G được quyền tự động cấn trừ tiền trong tài khoản của Công ty H để trừ nợ. Hiện nay, Công ty H không còn số dư trong tài khoản tại Ngân hàng G nên Ngân hàng G không thể trích tài khoản của Công ty H để thanh toán cho Công ty D. Công ty H là người vi phạm nghĩa vụ với Công ty D nên theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Dân sự thì Công ty D khởi kiện Công ty H mới đúng chứ Công ty D không có quyền khởi kiện Ngân hàng G.

Với yêu cầu khởi kiện của Công ty D thì Ngân hàng G không đồng ý vì việc Ngân hàng G cấn trừ tiền trong tài khoản của Công ty H là đúng quy định. Ngân hàng G không phải là người vi phạm nghĩa vụ đối với Công ty D nên Công ty D khởi kiện yêu cầu Ngân hàng G thanh toán tiền là không có căn cứ.

Theo quy định thì bà Đinh Thị Thu H2 không có thẩm quyền ký "Giấy đề nghị chuyển tiền tự động" nhưng nếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận thì Ngân hàng G không yêu cầu Tòa án xem xét đến trách nhiệm của bà H2 vì đây là việc nội bộ của Ngân hàng G.

3. *Bà Đinh Thị Thu H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Giấy đề nghị chuyển tiền tự động do Công ty H lập dưới sự hướng dẫn của bà H2. Tại thời điểm Công ty D và Công ty H ký Giấy đề nghị chuyển tiền tự động, bà H2 đã giải thích rõ về việc Công ty H còn đang nợ tiền của Ngân hàng G nên nếu Công ty H vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng G sẽ được tự động cấn trừ nợ. Do đó, việc Ngân hàng G cấn trừ nợ từ tài khoản của Công ty H là hoàn toàn đúng quy định.

4. Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 22/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tuyên như sau:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần D đối với Ngân hàng TMCP G về việc đòi 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) nợ gốc và 262.500.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền lãi phát sinh.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, án phí sơ thẩm và thời hạn kháng cáo.

5. Ngày 07 tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 22/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu để sửa bản án sơ thẩm này theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần D đối với Ngân hàng TMCP G.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về các vấn đề tranh chấp và không cung cấp thêm chứng cứ mới.

7. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty Cổ phần D; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 22/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ và kết quả tranh tranh tụng tại phiên tòa;

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. Công ty Cổ phần D nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Công ty Cổ phần D đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ.

[2]. Hợp đồng cung ứng dịch vụ mà Công ty Cổ phần D khởi kiện tranh chấp với Ngân hàng TMCP G được ký kết và thực hiện tại thành phố Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 30; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng cung ứng dịch vụ được ký kết, thực hiện và xảy ra tranh chấp trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp đối với giao dịch này là đúng quy định tại Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015.

[4]. Ông Vũ Văn N là người đại diện theo pháp luật của Công ty D vắng mặt nhưng ông N đã ủy cho ông Vũ Văn Đ1, bà Kha Anh L và ông Đ1, bà L có mặt. Ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng G vắng mặt nhưng ông L đã ủy quyền cho ông Phạm Anh T2, bà Phan Thu H1 và bà H1 có mặt. Ông Vũ Anh T1, ông Phạm Anh T2 và bà Phạm Thị Bích H3 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt ông N, ông T1,

ông L, ông T2 và bà H3 là đúng quy định tại Điều 228 và Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4]. Ngày 23/10/2015, Công ty H cùng Công ty D và Ngân hàng G Vũng Tàu lập thỏa thuận chuyển tiền tự động dưới hình thức "Giấy đề nghị chuyển tiền tự động". Người đại diện Ngân hàng G ký tên có đóng dấu Ngân hàng Thương mại Cổ phần G – Chi nhánh Vũng Tàu trong Giấy đề nghị chuyển tiền tự động này là bà Đinh Thị Thu H2, Trưởng Phòng Dịch vụ khách hàng của Ngân hàng G. Theo Công văn số 1288/BRI—TTGS ngày 29/11/2018 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì "Giấy đề nghị chuyển tiền tự động" ngày 23/10/2015 được ký kết giữa các bên chưa đảm bảo tính pháp lý vì bà Đinh Thị Thu H2 không có thẩm quyền ký Giấy đề nghị chuyển tiền tự động này.

Theo Quyết định 196A2/QĐ-SHB.VT ngày 13/10/2012 của Giám đốc Ngân hàng G Vũng Tàu phân quyền cho bà Đinh Thị Thu H2 – Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng Chi nhánh Vũng Tàu và Quyết định 1785/QĐ-TGĐ ngày 08/10/2012 của Tổng giám đốc Ngân hàng G về việc ủy quyền trong hoạt động kế toán, dịch vụ khách hàng, ngân quỹ và thanh toán thì phân quyền cho bà Đinh Thị Thu H2 được ký kết và đóng dấu tại các Chứng từ phát sinh trong hoạt động thanh toán trong nước trong phạm vi ủy quyền liên quan đến dịch vụ khách hàng đối với khách hàng và loại trừ bên thứ 3 có liên quan (mục 8 Phụ lục 02 Ủy quyền trong nghiệp vụ dịch vụ khách hàng của Quyết định 1785/QĐ-SHB-TTGS). Như vậy, việc bà Đinh Thị Thu H2 ký đóng dấu đại diện Ngân hàng G Vũng Tàu trên giấy đề nghị là chưa đúng thẩm quyền, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 144 Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Bộ luật Dân sự, giao dịch do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của người được đại diện đối với phần giao dịch được thực hiện vượt quá phạm vi đại diện trừ trường hợp người được đại diện đồng ý hoặc biết mà không phản đối. Trong trường hợp này, Ngân hàng G đã biết về việc bà Đinh Thị Thu H2 ký giấy đề nghị chưa đúng thẩm quyền nhưng không phản đối và không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện Ngân hàng G phản đối và tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng G đồng ý việc bà H2 ký. Hơn nữa, Ngân hàng G không kháng cáo nội dung này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Như vậy, Giấy đề nghị chuyển tiền tự động" lập ngày 23/10/2015 giữa Công ty H cùng Công ty D và Ngân hàng G Vũng Tàu là hợp pháp nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện cam kết đã ghi trong Giấy đề nghị chuyển tiền tự động này.

[5]. Tại thời điểm các bên ký Giấy đề nghị chuyển tiền tự động, Ngân hàng G có thông báo cho Công ty D là Công ty H còn nợ tiền của Ngân hàng G và được Công ty D thừa nhận. Tại Giấy đề nghị chuyển tiền tự động ngày 23/10/2015 ghi: *Khi Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro chuyển tiền thanh toán cho Hợp đồng số 0007/15/T-D3/VSP1-HAI HA và tài khoản của Công ty TNHH H báo có, đề nghị Ngân hàng TMCP G – Chi nhánh Vũng Tàu tiến hành phong tỏa và tiến hành chuyển khoản tự động cho Công ty Cổ phần D giá trị trả nợ 1.445.810.650 đồng, giá trị của Hải Hà là 2.570.390.202 đồng; tổng cộng 4.016.200.852 đồng. Thời*

hạn từ ngày 22/10/2015 đến ngày 31/12/2015. Trong thời hạn trên thì tối đa trong vòng 02 ngày kể từ ngày báo có vào tài khoản của Công ty TNHH H, Ngân hàng sẽ tự động chuyển số tiền như đã quy định ở trên vào tài khoản của Công ty Cổ phần D. Công ty TNHH H cam kết không sử dụng số tiền báo có vào tài khoản công ty cho mục đích khác, đồng thời không rút tiền mặt với bất kỳ lý do nào từ phần thanh toán của Liên doanh V cho Hợp đồng nêu trên cho tới khi Ngân hàng chuyển tiền cho Công ty Cổ phần D thành công.

Theo nội dung của Giấy đề nghị chuyển tiền tự động như đã nêu trên thì Liên doanh V sẽ chuyển tiền vào tài khoản của Công ty H tại Ngân hàng G là 4.016.200.852 đồng nhưng không xác định rõ là chuyển bao nhiêu lần, các bên đã cam kết là khi Liên doanh V chuyển tiền thanh toán cho Hợp đồng số 0007/15/T-D3/VSP1-HAI HA và tài khoản của Công ty H báo có thì Ngân hàng G phải tự động chuyển ngay vào tài khoản của Công ty D nhưng không vượt quá số tiền mà Công ty H phải trả nợ cho Công ty D là 1.445.810.650 đồng. Số tiền còn lại sau khi đã trả đủ nợ cho Công ty D thì mới giữ lại ở tài khoản của Công ty H. Vì vậy, số tiền Liên doanh V chuyển cho Công ty H 3.724.113.517 đồng là chưa đủ số tiền 4.016.200.852 đồng mà Liên doanh V phải chuyển cho Công ty H nhưng Ngân hàng phải có trách nhiệm tự động chuyển ngay cho Công ty D số tiền 1.445.810.650 đồng thì mới đúng với thỏa thuận.

Việc Ngân hàng G cho rằng Liên doanh V chuyển khoản thanh toán cho Công ty H không đúng số hợp đồng, số tiền nên lệnh thanh toán này không hợp lệ, không phù hợp với các thỏa thuận giữa chủ tài khoản và tổ chức cung ứng thanh toán vì thế Ngân hàng G từ chối thanh toán là đúng với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước. Ý kiến này của Ngân hàng G chỉ đúng là không chuyển tiền tự động ngay cho Công ty D mà phải báo ngay cho Công ty D và Công ty H để xử lý bởi vì: Tại khoản 4 Điều 522 của Bộ luật dân sự quy định: Bên cung ứng dịch vụ phải có nghĩa vụ báo ngay cho bên thuê dịch vụ về thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc. Đồng thời tại Điều 293 Bộ luật Dân sự quy định: *"Khi được bên có quyền đồng ý, bên có nghĩa vụ có thể ủy quyền cho người thứ ba thay mình thực hiện nghĩa vụ dân sự nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm với bên có quyền, nếu người thứ ba không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự"*. Như vậy, theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị chuyển tiền tự động ngày 23/10/2015 thì Công ty D là bên có quyền, Công ty H là bên có nghĩa vụ. Việc Công ty H chuyển giao nghĩa vụ cho Ngân hàng G đã được Công ty D và Ngân hàng G đồng ý. Vì vậy, khi phát hiện sai sót trong lệnh chuyển tiền thì Ngân hàng G phải thông báo ngay cho Công ty D và Công ty H để xử lý nhưng Ngân hàng G đã không thông báo là vi phạm quy định tại Điều 293 và khoản 4 Điều 522 của Bộ luật dân sự. Khi Công ty D gửi Công văn đề nghị Ngân hàng G Vũng Tàu chuyển tiền tự động thì ngày 07/12/2015, Ngân hàng G Vũng Tàu chuyển cho Công ty D 500.000.000 đồng; ngày 05/05/2016 Ngân hàng G Vũng Tàu chuyển cho Công ty D 245.810.650 đồng. Số tiền 700.000.000 đồng còn lại thì Ngân hàng G Vũng Tàu không trả cho Công ty D là vi phạm cam kết đã ghi trong "Giấy đề nghị chuyển tiền tự động".

[6]. Ngày 02/12/2015, Liên doanh V chuyển tiền cho Công ty H vào tại khoản mà Công ty H mở tại Ngân hàng G. Theo thỏa thuận thì chậm nhất là ngày 04/12/2015 Ngân hàng G phải chuyển tiền cho Công ty D. Do có sai sót trong lệnh chuyển tiền nhưng ngày 02/12/2015, Công ty D đã có công văn yêu cầu Ngân hàng G chuyển tiền nhưng đến ngày 07/12/2015, Ngân hàng G mới chuyển cho Công ty D được 500.000.000 đồng là Ngân hàng G đã vi phạm thời hạn thanh toán. Thời hạn chậm thanh toán phải tính từ ngày 04/12/2015 nhưng tại Tòa án cấp sơ thẩm Công ty D chỉ yêu cầu tính thời hạn chậm thanh toán từ ngày 05/5/2016 đối với số tiền 700.000.000 đồng. Nay Công ty D yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 05/12/2015 cho đến ngày xét xử phúc thẩm là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu 05 tháng nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, vì thế Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Như vậy, việc Ngân hàng G chậm thanh toán cho Công ty D được xác định là từ ngày 05/05/2016. Lỗi chậm thanh toán hoàn toàn thuộc về Ngân hàng G. Theo Thông báo số 109/TB.TB-BIDV.BR ngày 19/3/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần P, Chi nhánh Bà Rịa thì mức lãi suất vay trung hạn thông thường là 10,9/năm. Theo kết quả xác minh tại Ngân hàng TMCP T, Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu thì mức lãi suất vay trung hạn thông thường là 10%/năm; Ngân hàng TMCP C, chi nhánh Bà rịa – Vũng Tàu thì mức lãi suất vay trung hạn thông thường là 11%/năm. Như vậy, mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường được xác định là {(10,9+10+11): 3} x 150% = 15,95%/ năm. Như vậy, lãi suất mà Công ty D yêu cầu Ngân hàng G phải trả cho Công ty D theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường 15%/ năm là phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại nên chấp nhận.

[7]. Việc Công ty H vay tiền của Ngân hàng G theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 225/2014/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 31/12/2014 với số tiền 5.000.000.000 đồng. Theo Khế ước nhận nợ số 03/2015/KUNN-DN ngày 04/12/2015 thì Công ty H đã rút vốn ngày 04/12/2015 với số tiền 3.500.000.000 đồng, ngày đến hạn trả nợ là 04/5/2016. Theo Khế ước nhận nợ số 04/2015/KUNN-DN ngày 29/12/2015 thì Công ty H đã rút vốn ngày 29/12/2015 với số tiền 1.500.000.000 đồng, ngày đến hạn trả nợ là 29/5/2016. Công ty H đã thế chấp 03 tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 136/2014/HĐTC-BTB/SHB.130800 ngày 31/12/2014 để đảm bảo khoản vay cho Ngân hàng G. Vào thời điểm tài khoản của Công ty H báo có thì Công ty H chưa đến hạn thanh toán hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng G. Trường hợp Công ty H vi phạm hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng G có quyền khởi kiện Công ty H đến Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu trả nợ và xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Thực tế thì Ngân hàng G đã khởi kiện Công ty H để tranh chấp hợp đồng số 225/2014/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 31/12/2014 và được Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý giải quyết vào ngày 30/6/2016. Ngày 28/9/2016, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2016/QĐST-KDTM với nội dung: Công ty TNHH H hoàn trả cho Ngân hàng TMCP G số tiền 5.406.876.151 đồng; trong đó nợ gốc là 5.000.000.000 đồng, nợ lãi là 126.059.114 đồng, lãi quá hạn là 280.827.073 đồng.

Như vậy, đã đủ cơ sở để khẳng định việc Ngân hàng G giữ lại số tiền 700.000.000 đồng của Công ty H chuyển thanh toán cho Công ty D để cấn trừ

khoản nợ mà Công ty H còn nợ Ngân hàng G theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 225/2014/HĐHM-PN/SHB.130800 ngày 31/12/2014 là vi phạm khoản 1 Điều 522 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[8]. Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa mà chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty Cổ phần D để sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 22/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu như sau:

Buộc Ngân hàng TMCP G phải chuyển trả cho Công ty Cổ phần D số tiền 700.000.000 đồng mà Công ty TNHH H đã yêu cầu Liên doanh Việt –Nga Vietsovpetro chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH H tại Ngân hàng TMCP G để chi trả cho Công ty Cổ phần D.

Buộc Ngân hàng TMCP G phải trả tiền lãi do chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần D đối với số tiền 700.000.000 đồng. Do cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty D nên thời hạn tính lãi được xác định từ ngày 05/5/2016 cho đến ngày xét xử phúc thẩm là 03 năm (làm tròn); mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường là 15%/ năm. Tiền lãi suất được tính là (700.000.000 đồng x 15%/ năm) x 03 năm = 315.000.000 đồng.

[9]. Chi phí giám định: Ngân hàng Thương mại Cổ phần G phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

[10]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Tổng số tiền mà Ngân hàng TMCP G phải trả cho Công ty Cổ phần D là 700.000.000 đồng + 315.000.000 đồng = 1.015.000.000 đồng. Án phí được tính là: 36.000.000 đồng + (215.000.000 đồng x 3%) = 42.450.000 đồng thì Ngân hàng TMCP G phải nộp.

Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm thì Công ty D không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, Điều 147, Điều 228, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 293, Điều 522 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 306 Luật thương mại; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty Cổ phần D; sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 22/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Tuyên xử:

1. Buộc Ngân hàng TMCP G phải chuyển trả cho Công ty Cổ phần D số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) mà Công ty TNHH H đã yêu cầu Liên doanh V chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH H tại Ngân hàng TMCP G để chi trả cho Công ty Cổ phần D.

Buộc Ngân hàng TMCP G phải trả cho Công ty Cổ phần D tiền lãi do chậm thanh toán là 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Chi phí giám định: Ngân hàng Thương mại Cổ phần G phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần G đã nộp đủ chi phí giám định

3. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Ngân hàng TMCP G phải nộp 42.450.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần D 18.731.000 đồng (Mười tám triệu, bảy trăm ba mươi mốt ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007878 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần D không phải nộp án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần D 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006411 ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THA thành phố Vũng Tàu;
- TAND thành phố Vũng Tàu;
- Tổ HC-TP (VP);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Châu